

QUYẾT ĐỊNH

**Về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của
Chính phủ, Văn phòng Chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ gồm:

1. Tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo về công tác an ninh quốc gia, kế hoạch, tài chính giá cả, dự trữ quốc gia (không thuộc phạm vi Tối mật, Tuyệt mật) chưa công bố hoặc không công bố;

2. Tài liệu thiết kế xây dựng khu vực nhà làm việc của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ; tài liệu về phương án bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy tại các khu vực này;

3. Tin, tài liệu liên quan đến chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ; lộ trình công tác của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ trong nước và ngoài nước chưa công bố hoặc không công bố;

4. Bút tích ý kiến chỉ đạo xử lý, giải quyết công việc của Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ ghi trên phiếu trình, công văn, tài liệu (trừ những tin thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật) chưa công bố hoặc không công bố;

Bút tích của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, các Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ nêu ý kiến đề xuất, kiến nghị về tổ chức, điều hành công việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và xử lý tài liệu hàng ngày tại Văn phòng Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ của mình chưa công bố hoặc không công bố;

5. Các báo cáo định kỳ về hoạt động của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có sử dụng các thông tin, tài liệu thuộc loại bí mật nhà nước;

6. Hồ sơ nhân sự thuộc diện Chính phủ quản lý; hồ sơ cán bộ từ chuyên viên trở lên của Văn phòng chính phủ; hồ sơ nhân sự của công chức ngạch nhân viên làm công tác bảo vệ, phục vụ tại khu nhà làm việc Chính phủ, Văn phòng Chính phủ; hồ sơ nhân viên lễ tân, bảo vệ, phục vụ, kỹ thuật của các đơn vị sự nghiệp thuộc Văn phòng Chính phủ;

7. Hồ sơ, tài liệu đang tiến hành thanh tra, kiểm tra; báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra những vấn đề nội bộ Văn phòng Chính phủ chưa công bố;

8. Số liệu thống kê, kế toán, thu chi của Văn phòng Chính phủ chưa được phép công bố;

9. Tài liệu thiết kế mạng máy tính, chương trình phần mềm đặc dụng, phần mềm bảo vệ của Chính phủ, Văn phòng chính phủ. Mã khóa, mật khẩu quy ước về bảo đảm an ninh, an toàn cơ sở dữ liệu quốc gia, mạng máy tính và máy tính cá nhân có chứa dữ liệu nội bộ;

10. Các báo cáo, văn bản khác có sử dụng tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật của các cơ quan khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 650/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 9/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ. Cơ quan chức năng của Văn phòng Chính phủ và Bộ Công an có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức nói trong Điều 2 Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28/12/2000 và Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP (để b/c Thủ tướng CP);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ
Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở TW;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Lưu: BCA, VPCP.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Lê Hồng Anh